

Số: 1038 /QĐ-VHL

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình hành động của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHỦ TỊCH

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 106/2022/NĐ-CP ngày 24/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *U*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch Viện (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch Viện;
- Website Viện Hàn lâm (để đăng tin);
- Lưu: VT, UDTKCN.KH

U





CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam theo
Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW
ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội
và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1038/QĐ-VHL ngày 13/6 /2023
của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)*

Vùng Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) gồm 11 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó có Thủ đô Hà Nội - là trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia; trung tâm về kinh tế, văn hóa. Đây là địa bàn chiến lược quan trọng của đất nước trong mọi mặt, là cửa ngõ phía bắc của đất nước và ASEAN về kết nối phát triển kinh tế, thương mại với Trung Quốc - thị trường rộng lớn nhất thế giới; là cầu nối quan trọng trong giao lưu kinh tế, văn hóa quốc tế. ĐBSH là vùng đất “địa linh nhân kiệt” có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa phong phú, đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc với nền văn hóa sông Hồng, văn minh lúa nước cũng là khu vực tập trung dân cư nhất Việt Nam. Tuy nhiên, với bối cảnh “đất chật, người đông” cùng với chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đã hạn chế sự phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực này, đặc biệt là trong khoảng thời gian những năm gần đây. Để có thể khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế vượt trội để phát triển nhanh, bền vững để vùng ĐBSH thực sự trở thành vùng động lực phát triển hàng đầu, có vai trò định hướng, dẫn dắt quá trình cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng của đất nước rất cần có các kế hoạch cụ thể.

Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Theo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (sau đây gọi tắt là Viện Hàn lâm) theo Nghị định số 106/2022/NĐ-CP ngày 24/12/2022 của Chính phủ, Viện Hàn lâm ban hành Chương trình hành động để các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW và Nghị quyết số 14/NQ-CP có hiệu quả, đạt và vượt mục tiêu, yêu cầu đề ra. Chương trình hành động gồm các nội dung chính sau đây:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc xây dựng và ban hành Chương trình hành động của Viện Hàn lâm nhằm thống nhất trong công tác chỉ đạo, quán triệt, triển khai quyết liệt, hiệu quả tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức của Viện Hàn lâm về tầm quan trọng của việc triển khai Nghị quyết số 30-NQ/TW đã được Chính phủ ban hành Chương trình hành động kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-CP. Đây là căn cứ để các cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu đề xuất phối hợp với Viện Hàn

lâm để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của các ngành, lĩnh vực, địa phương trên địa bàn vùng ĐBSH, góp phần thực hiện thành công các nội dung đề ra tại Nghị quyết số 30-NQ/TW có hiệu quả, đạt và vượt mục tiêu, yêu cầu đề ra.

2. Các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được quy định đẩy mạnh các nghiên cứu định hướng ứng dụng nhằm đưa ra các kết quả KH&CN phù hợp trong khai thác, phát huy hiệu quả, tiềm năng, lợi thế của từng địa phương trong vùng nói riêng và của vùng ĐBSH nói chung nhằm xây dựng ĐBSH là vùng phát triển hiện đại, văn minh, sinh thái; là trung tâm kinh tế, tài chính lớn mang tầm khu vực và thế giới; trung tâm hàng đầu của cả nước về văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số, y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân; kết cấu hạ tầng KT - XH, đồng bộ, hiện đại, thông minh; hệ thống đô thị liên kết thành mạng lưới, thông minh xanh, bền vững phù hợp với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước. Thủ đô Hà Nội trở thành thành phố kết nối toàn cầu, phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và thế giới.

3. Phấn đấu đạt các mục tiêu nhằm đảm bảo các chỉ tiêu đặt ra của Nghị quyết số 14/NQ-CP với các nhiệm vụ phát triển kinh tế vùng nhanh, xã hội ổn định và môi trường bền vững:

- Thúc đẩy hợp tác KH&CN với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng các Chương trình về “Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy các sản phẩm chủ lực khu vực nông thôn, miền núi” và “Nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao KH&CN phát triển nông nghiệp công nghệ cao, xử lý môi trường, phát triển kinh tế biển, phòng tránh giảm nhẹ thiên tai và đảm bảo quốc phòng an ninh” trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và phối hợp thực hiện;

- Thúc đẩy hợp tác KH&CN với Bộ Công Thương trong thực hiện các Đề án về phát triển ngành công nghiệp mới (sản xuất chip, bán dẫn, robot, công nghiệp môi trường, năng lượng tái tạo, vật liệu mới, công nghiệp sản xuất - chế biến sản phẩm nông, lâm sản, thủy hải sản và thực phẩm;

- Tham gia với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong thực hiện bảo tồn, khai thác sử dụng tài nguyên đa dạng sinh học tại các khu vực dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu, nước biển dâng;

- Tham gia với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thực hiện xây dựng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa đặc trưng của nền văn minh sông Hồng từ các di sản được thế giới công nhận;

- Thúc đẩy và mở rộng hợp tác KH&CN với ủy ban nhân dân các tỉnh, thành vùng ĐBSH trong giải quyết các vấn đề KH&CN cấp thiết, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ cho phát triển KT - XH để hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư.

II. CÁC GIẢI PHÁP TẬP TRUNG THỰC HIỆN

1. Ứng dụng KH&CN trong phát triển các ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao, ứng dụng nền tảng số, thân thiện với môi trường, ít phát thải khí nhà kính, có giá trị gia tăng cao, có khả năng cạnh tranh, tham gia sâu, toàn diện vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu:

- Triển khai nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng trong một số lĩnh vực có thể mạnh: Quang học quang phổ, vật lý plasma, vật lý y sinh, vật lý năng lượng và môi trường;

- Triển khai nghiên cứu vật liệu chuyển hóa và tích trữ năng lượng; vật liệu quang điện tử - quang tử và vật liệu biến hóa; vật liệu từ tiên tiến và vật liệu hợp kim có tính năng đặc biệt; vật liệu composite nền cao phân tử và vật liệu polymer; vật liệu nano ứng dụng trong công - nông nghiệp, y - sinh và môi trường;

- Đẩy mạnh nghiên cứu nhằm phát triển một số ngành công nghiệp phần mềm, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp điện tử và các ngành công nghiệp mới sản xuất chip, bán dẫn, ... thúc đẩy sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh, nông nghiệp thông minh;

- Đẩy mạnh các nghiên cứu cơ bản (tối ưu và điều khiển, dữ liệu lớn và xử lý dữ liệu lớn, điện toán đám mây, điện toán lưới, điện toán biên,...) làm cơ sở khoa học vững chắc cho việc phát triển các ngành công nghiệp mới như sản xuất chip, bán dẫn, sản xuất rô-bốt, công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng tái tạo, vật liệu mới.

2. Ứng dụng KH&CN trong phát triển nông nghiệp hiệu quả cao, bền vững, sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu theo hướng nông nghiệp dựa trên ứng dụng công nghệ cao, sản xuất an toàn, hữu cơ, sản xuất sản phẩm có giá trị cao theo chuỗi giá trị, tuần hoàn gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại, nông dân văn minh

- Đẩy mạnh các nghiên cứu trong lĩnh vực sinh lý động vật, hóa sinh động vật, công nghệ sinh học động, thực vật nhằm ổn định nguồn gen đặc hữu của các khu vực đặc thù vùng ĐBSH;

- Đẩy mạnh điều tra, nghiên cứu các đặc trưng cơ bản về tự nhiên, tài nguyên sinh vật, môi trường, các quy luật tự nhiên và thiên tai tác động đến hệ sinh thái, đa dạng sinh học cũng như nghiên cứu các hợp chất có hoạt tính sinh học, các dạng tài nguyên mới, tài nguyên phi thực phẩm trong trồng trọt, chăn nuôi công nghiệp (tập trung vào các sản phẩm chủ lực như lợn, bò, gia cầm), nuôi trồng thủy sản, khai thác hải sản tạo ra thương hiệu cho các sản phẩm nông sản đặc hữu cho vùng, địa phương;

- Sử dụng công nghệ xanh trong chọn tạo, chuyển giao công nghệ và sản xuất các giống cây trồng có giá trị thương mại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với phát triển đô thị; triển khai công nghệ sinh sản động vật, công nghệ thụ tinh ống nghiệm và ứng dụng tế bào gốc;

- Triển khai các nghiên cứu vật liệu chuyển hóa và tích trữ năng lượng; vật liệu quang điện tử - quang tử và vật liệu biến hóa; vật liệu từ tiên tiến và vật liệu hợp kim có tính năng đặc biệt; vật liệu composite nền cao phân tử và vật liệu polymer; vật liệu nano ứng dụng trong nông nghiệp;

- Thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng nền tảng số và dữ liệu số trong phát triển nông nghiệp, nông thôn; phát triển mạnh các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp như công nghiệp sản xuất thiết bị, máy móc, vật tư phục vụ nông nghiệp, công nghệ chế biến, bảo quản nông sản;

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ viễn thám kết hợp với hệ thống tin địa lý (GIS); nghiên cứu chế tạo và ứng dụng các thiết bị đo lường và quan trắc từ xa trong giám sát và quản lý lãnh thổ, nông nghiệp.

3. Ứng dụng KH&CN trong phát triển kinh tế biển theo hướng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái biển. Chú trọng phát triển kinh tế biển khu vực Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình; tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ vào nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy hải sản; đào tạo nhân lực biển

- Đánh giá giá trị và tiềm năng sử dụng một số dạng tài nguyên thiên nhiên biển (khoáng sản, sinh học, năng lượng, tài nguyên vị thế...); các giá trị mới của tài nguyên như dược liệu biển và hoá phẩm biển;

- Nghiên cứu các vấn đề về biến động môi trường, môi trường xuyên biên giới, thiên tai trên biển, công nghệ tiên tiến trong cảnh báo và dự báo tai biến thiên nhiên và sự cố môi trường biển và đề xuất các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và axit hóa nước biển;

- Nghiên cứu các vấn đề quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường, quy hoạch không gian biển phục vụ phát triển kinh tế và quản lý biển; bảo tồn đa dạng sinh học biển, các hệ sinh thái biển, đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, duy trì nguồn vốn tự nhiên biển;

- Nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp, công nghệ khai thác, sử dụng tài nguyên biển và ít gây tác động môi trường; nghiên cứu và phát triển công nghệ nuôi biển các đối tượng có giá trị; sử dụng năng lượng tái tạo; các quy trình công nghệ xử lý ô nhiễm, ứng phó sự cố môi trường và thiên tai trên biển. Phát triển và ứng dụng công nghệ của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư trong quan trắc, giám sát tự động, công nghệ định vị và dẫn đường trên biển. Ứng dụng công nghệ cao và hiện đại để khảo sát, nghiên cứu các vùng biển sâu; quan trắc, giám sát và dự báo biển: Dự báo nghề cá biển bằng viễn thám; dự báo khí tượng - thủy văn và giông bão ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; các tai biến như động đất - sóng thần, xói lở, sa bồi, thủy triều đỏ, tràn dầu và hoá chất, biến đổi khí hậu và dâng cao mực biển;

- Nghiên cứu ứng dụng về địa chất công trình và cơ học công trình biển.

4. Nâng cao chất lượng cuộc sống người dân đô thị, nông thôn

- Phát triển công nghệ vật liệu tiên tiến, tập trung vào các lĩnh vực công nghệ cao như sơn, vật liệu chống cháy, vật liệu bảo vệ môi trường và các sản phẩm nano y sinh hỗ trợ chăm sóc sức khỏe, vật liệu có tính năng đặc biệt... nhằm phục vụ đời sống con người;

- Phát triển, thương mại hóa công nghệ và sản phẩm công nghệ xử lý môi trường nước, không khí và chất thải rắn; các giải pháp công nghệ theo mô hình kinh tế tuần hoàn từ chất thải; các giải pháp công nghệ thân thiện để xử lý ô nhiễm môi trường; công nghệ thông tin theo định hướng của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư trong quan trắc môi trường; các vật liệu mới trong xử lý môi trường và nghiên cứu phát triển các phương pháp phân tích nâng cao đối với các chất, hợp chất mới nổi trong môi trường và trong thực phẩm;

- Ứng dụng công nghệ viễn thám kết hợp hệ thông tin địa lý (GIS) và chế tạo các thiết bị đo lường và quan trắc từ xa trong giám sát và cảnh báo thiên tai; đặc biệt là hiện tượng ngập úng đô thị tại các khu vực chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

5. Ứng dụng KH&CN trong quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên (đặc biệt là đất đai, nước), bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế

xanh, ít phát thải khí nhà kính, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững theo các cam kết quốc tế của Việt Nam. Tăng cường liên kết vùng trong bảo tồn, khai thác sử dụng tài nguyên, đa dạng sinh học của các khu bảo tồn thiên nhiên, khu di sản thiên nhiên cấp quốc gia như Bái Tử Long, Vịnh Hạ Long, Vườn Quốc gia Cát Bà, Vườn Quốc gia Xuân Thủy, Khu bảo tồn loài sinh cảnh Voọc mông trắng Kim Bảng, Hà Nam,... Ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học khu vực tiếp giáp các tỉnh vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng cửa sông Hồng, sông Thái Bình, các vùng ngập nước ở Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình;

- Ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong nghiên cứu đánh giá triển vọng nguồn tài nguyên khoáng sản (trọng tâm là các khoáng sản có giá trị cao), khai thác và chế biến khoáng sản. Nghiên cứu đánh giá, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên khoáng sản, đất, nước, di sản địa chất, công viên địa chất, tài nguyên vị thế...;

- Nghiên cứu nền địa hóa đa mục tiêu lãnh thổ Việt Nam phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và sức khỏe con người. Ứng dụng kỹ thuật đồng vị trong nghiên cứu địa môi trường;

- Nghiên cứu tính địa chấn, đánh giá độ nguy hiểm, rủi ro, động đất, sóng thần, dự báo và cảnh báo thiên tai động đất, núi lửa, sóng thần trên đất liền và vùng biển Việt Nam; ứng dụng các phương pháp địa vật lý nghiên cứu môi trường địa chất, cấu trúc vỏ Trái đất và thăm dò khoáng sản; ứng dụng công nghệ GPS liên tục trong nghiên cứu địa động lực hiện đại; nghiên cứu ứng dụng các công nghệ tiên tiến quan trắc tự động và cảnh báo động đất, sóng thần và các dạng thiên tai khác;

- Ứng dụng công nghệ viễn thám và phân tích không gian, mô hình hóa; tổ chức và quy hoạch lãnh thổ; phát triển hài hòa kinh tế - xã hội và môi trường ở các vùng đặc thù;

- Nghiên cứu ứng dụng lý thuyết nhận dạng, khoa học máy tính, hệ tri thức... nhằm nâng cao độ chính xác và độ phân giải trong công tác dự báo các dạng thiên tai, biến đổi khí hậu và các thảm họa khác do con người gây ra. Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất các giải pháp, chiến lược ứng phó, cảnh báo và giảm nhẹ thiệt hại do tai biến thiên nhiên và biến đổi khí hậu;

- Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất các giải pháp, chiến lược phân vùng, quy hoạch, quản lý tổng hợp, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; nghiên cứu tổ chức không gian phát triển bền vững kinh tế - xã hội Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

6. Ứng dụng công nghệ trong phòng chống thiên tai, rủi ro môi trường nhằm bảo đảm an ninh, an toàn nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước, cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường nước tại lưu vực các sông: Nhuệ, Đáy, Bắc Hưng Hải,...

- Đẩy mạnh nghiên cứu các giải pháp khoa học công nghệ tăng cường năng lực ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn đảm bảo an ninh nguồn nước, chống suy thoái và kiểm soát ô nhiễm nguồn nước;

- Ứng dụng các phương pháp địa vật lý nghiên cứu môi trường địa chất, cấu trúc vỏ Trái đất và thăm dò khoáng sản; ứng dụng công nghệ GPS liên tục trong nghiên cứu địa động lực hiện đại; nghiên cứu ứng dụng các công nghệ tiên tiến quan trắc tự động và cảnh báo động đất, sóng thần và các dạng thiên tai khác;

- Xây dựng công nghệ khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo ở Việt Nam; công nghệ khai thác, biến đổi, truyền tải, phân phối và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nhiên liệu - năng lượng; nghiên cứu chế tạo các thiết bị và vật liệu mới trong năng lượng; nghiên cứu tính toán cân bằng năng lượng; nghiên cứu phát triển lưới điện thông minh nhỏ; nghiên cứu làm chủ các công nghệ vật liệu lưu trữ và chuyển hóa năng lượng như pin, pin nhiên liệu hiệu suất cao.

7. Đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ cho vùng ĐBSH: Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực nghiên cứu ứng dụng triển khai và công nghệ trong các lĩnh vực nghiên cứu chủ yếu gồm trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu máy tính; công nghệ sinh học ứng dụng; chăm sóc sức khỏe; vật liệu tiên tiến; năng lượng tái tạo; viễn thám; môi trường; an toàn thực phẩm; chống biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo - nghiên cứu khoa học và hỗ trợ đổi mới sáng tạo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp với các bộ, ngành, địa phương vùng Đồng bằng sông Hồng nhằm tư vấn các giải pháp được đề ra trong mục II. Trong quá trình nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ cho vùng đồng bằng sông Hồng kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Viện Hàn lâm để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Giao Ban Kế hoạch - Tài chính, Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ nghiên cứu, trình Lãnh đạo Viện Hàn lâm các định hướng, giải pháp thúc đẩy các nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ các vấn đề thực tiễn của vùng Đồng bằng sông Hồng và chủ trì thực hiện tiến trình đề xuất xây dựng Chương trình Khoa học công nghệ cấp Quốc gia liên kết vùng Đồng bằng sông Hồng với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trong chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Giao Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ đánh giá và đề xuất các nội dung hợp tác KH&CN với ủy ban nhân dân các tỉnh, thành vùng Đồng bằng sông Hồng, tham mưu lãnh đạo Viện Hàn lâm triển khai thực hiện;

4. Định kỳ hằng năm, các đơn vị trực thuộc tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, gửi Viện Hàn lâm trước ngày 10/12 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Nghị quyết số 14/NQ-CP./. U

